



zhū bǎo

珠宝

Noun · pearls

Example Sentences

qiè zéi zuó wǎn tōu zǒu le zhū bǎo

窃贼昨晚偷走了珠宝。

The thief stole the jewelry last night.

tā shōu cáng le xǔ duō jīng měi de zhū bǎo

她收藏了许多精美的珠宝。

She has collected many exquisite pearls/jewelry.

zhū bǎo zài dēng guāng xià càn càn shēng huī

珠宝在灯光下熠熠生辉。

The jewelry sparkles under the light

Trace each character, then write the word on your own.

珠	珠	珠	珠	珠	珠	珠	珠	珠	珠	珠
宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝